

Bản án số: 51/2019/DS-PT
Ngày 26-3-2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tòng;
Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 272/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 130/2018/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2019/QĐPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1965; Địa chỉ ĐKKHKT: khu phố N, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở hiện nay: phường H1, quận H2, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp của bà H : Ông Phạm Xuân Â, sinh năm 1964; Địa chỉ: Khu phố N, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 02-01-2018). – Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ch, sinh năm 1944; Địa chỉ: Khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Ch: Bà Dương Mỹ K, sinh năm 1960; Địa chỉ: khu phố B, phường H1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 22-02-2018). Có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Xuân Â, sinh năm 1964; Địa chỉ: khu phố N, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. – Có mặt

4. Người kháng cáo: Ông Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông A trình bày:

Ngày 05-5-2017 (DL) bà H cho ông Ch vay 150.000.000 đồng. Khi bà H đang viết giấy nợ, ông Ch yêu cầu vay thêm 50.000.000 đồng nên bà H viết tiếp nội dung dòng chữ “*cộng thêm 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng)*” cùng thời điểm với các dòng chữ khác trong giấy nợ ngày 05-5-2017 (DL). Do sơ ý bà H không chốt lại tổng số tiền ông Ch đã vay của bà H. Giấy nợ được lập thành 01 bản chính do bà H giữ, ông Ch ký tên xác nhận bên phía người vay.

Tổng cộng ông Ch vay của bà H 200.000.000 đồng; thỏa thuận mức lãi suất 3%/tháng; khi nào cần tiền bà sẽ báo trước cho ông Ch 01 tháng sắp xếp trả nợ. Ông Ch trả cho bà 05 tháng tiền lãi từ tháng 6-2017 đến tháng 10-2017 được 12.500.000 đồng. Số tiền này bà yêu cầu cần trừ vào tiền lãi theo quy định pháp luật, bà không yêu cầu trả thêm tiền lãi.

Ngày 13-02-2018 ông Ch có đơn yêu cầu trung cầu giám định chữ ký chữ viết “Ch” trong giấy biên nhận nợ ngày 05-5-2017 (DL). Ngày 28-8-2018, ông có đơn yêu cầu trung cầu giám định bổ sung dòng chữ “*cộng thêm 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng)*” trong giấy biên nhận nợ. Tuy nhiên vì không đủ cơ sở xác định dòng chữ “*cộng thêm 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng)*” được viết thêm cùng thời điểm hay không nên bà H không yêu cầu ông Ch trả 50.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông Ch trả 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Bị đơn Ông Ch và người đại diện theo ủy quyền của ông trình bày:

Đầu năm 2011, ông Ch có vay bà H 50.000.000 đồng. Sau đó vay tiếp 50.000.000 đồng, không nhớ rõ thời gian cụ thể vay tiền vì khi vay các bên không làm giấy nợ. Ông Ch đã trả cho bà H 50.000.000 đồng, trả dần 1.500.000 đồng/tháng từ năm 2014 đến năm 2017; 12.500.000 đồng tiền lãi bà H đã nhận, ông không yêu cầu Tòa án tính lại. Ông chỉ còn nợ bà H 50.000.000 đồng. Ông không có vay 200.000.000 đồng ngày 5-5-2017 (DL) cũng không ký nhận nợ trong bản chính giấy vay tiền đề ngày 05-5-2017 (DL) do bà H cung cấp cho Tòa án. Trong giấy nợ có ghi ông nợ bà H 150.000.000 đồng, đoạn sau ghi “*cộng thêm 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)*” bằng một nét chữ khác, thể hiện giấy nợ hoàn toàn giả mạo, không đúng sự thật.

Ông không đồng ý với Kết luận giám định số 250/KL-KTHS ngày 13-4-2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, ngày 06-6-2018 ông Ch yêu cầu giám định lại chữ ký, chữ viết “Ch” bên phía người vay trong giấy biên nhận nợ. Kết luận giám định của Phân viện Khoa học hình sự thành phố Hồ Chí Minh và Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh hoàn toàn khác nhau. Do vậy ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà H

Tại bản án sơ thẩm số 130/2018/DS -ST ngày 12-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với Ông Ch, về việc “Tranh chấp vay tài sản”. Buộc Ông Ch có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị H 150.000.000 đồng. (Một trăm năm mươi triệu đồng)

Ngoài ra bản án còn tuyên chi phí giám định, án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 15/11/2018, Ông Ch kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông chỉ nợ bà H 50.000.000 đồng, ngoài ra không nợ bà H khoản tiền nào khác.

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Ông Ch. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 130/2018/DS -ST ngày 12-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của Ông Ch thấy rằng:

Kết luận giám định số 250/KL-KTHS ngày 13-4-2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tây Ninh xác định chữ viết “Ch” bên phía người vay trong giấy biên nhận nợ ngày 05-5-2017 là của ông Ch, không đủ cơ sở xác định chữ ký là của ông Ch. Kết luận giám định số 2586/C54 ngày 12-7-2018 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định chữ ký, chữ viết “Ch” là của ông Ch. Ông Ch không đồng ý với các kết luận giám định do 02 kết luận giám định khác nhau nhưng ông

không có chứng cứ chứng minh việc giám định có vi phạm pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết luận giám định xác định chữ ký và chữ viết của ông Ch trong giấy nợ ngày 05-5-2017 do bà H cung cấp là của ông Ch; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H ; buộc ông Ch trả cho bà H 150.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Ch kháng cáo nhưng không xuất trình chứng cứ gì mới chứng minh nên kháng cáo của ông không có cơ sở chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Về án phí: Ông Ch là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Ch; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 130/2018/DS -ST ngày 12-11-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H, ông Phạm Xuân Á đối với Ông Ch về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc Ông Ch có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị H, ông Phạm Xuân Á 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Ch được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0005007 ngày 26-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh..

3. Chi phí giám định:

Ông Ch phải chịu 4.020.000 đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) ghi nhận đã nộp xong.

Bà Phạm Thị H, ông Phạm Xuân Á phải chịu 2.040.000 đồng (Hai triệu không trăm bốn mươi đồng) ghi nhận đã nộp xong.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thị An Tiên

